

Bản án số: 02 /2019/HSPT
Ngày 03/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tân

Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 385/2018/HSPT ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với Nguyễn Tất V do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Tất V, sinh năm 1965; tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: - khu dân cư Đ, tổ x, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- tổ x2, khu phố y1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất Đ (chết) và bà Lê Thị Vân Y; bị cáo có vợ Trần Thị Thúy N (chết) và 01 con sinh năm 1996;

Tiền án: Ngày 05/4/2011 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm.

Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/3/2015, cho bảo lãnh ngày 13/8/2015; bắt giam lại ngày 23/5/2016, cho bảo lãnh ngày 16/8/2017; bắt giam lại ngày 30/5/2018 (có mặt).

- Bị hại kháng cáo: Nguyễn Triều D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: - ấp Đ, xã T, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

- H, phường N, quận B, Hà Nội.
- đường số X1, khu dân cư C, phường A, quận N, thành phố Cần

Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị hại:* Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1955 (có mặt).

Nơi cư trú: - Đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo:*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Võ Thị Bảo T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: - đường X3, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu dân cư H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Vũ Đức H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Lê Thị Vân Y, sinh năm 1940 (có mặt).

Nơi cư trú: khu dân cư Đ, tổ x4, khu phố y1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

5. Nguyễn Thị Ngân G, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố x2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Phạm Công H1, Nguyễn Đình N1 và Lê Thị Minh N2 - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Luật sư Nguyễn Trường T2 - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Đức T3, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường Đ, phường x4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Đoàn Thanh H2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường Đ1, khu phố B, phường x5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

5. Phòng Quản lý đô thị thành phố V (vắng mặt).

6. Đỗ Thị Thúy N3, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường P, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Tất V đăng ký thành lập Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản và xây dựng G, có trụ sở đầu tiên tại T, thôn P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Từ ngày 5-5-2010 đến 25-3-2013 đã có 4 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký và trụ sở. Ngày 1-9-2010 Tất V ký hợp đồng liên danh với Nguyễn Đức T3

- giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N4, tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (BL. 474-477).

Năm 2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có chấp thuận về nguyên tắc - cho liên danh G - N4 thực hiện 3 dự án: Công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, công trình cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 910 và xây dựng đường bờ kênh thành phố V. Đây là cơ sở để triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo (theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009), trong thời gian là 12 tháng. Theo thỏa thuận với ông Nguyễn T3, Tất V chịu trách nhiệm thực hiện dự án công trình giao thông khu du lịch sinh thái T4-T5.

Tất V chịu trách nhiệm đàm phán với Phòng quản lý đô thị thành phố V, rồi thực hiện các thủ tục: xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và các thủ tục tiếp theo. Tất V không thực hiện các thủ tục này, mà liên hệ với Vũ Đức H - giám đốc Công ty TNHH xây dựng thương mại H3, tại quận N, thành phố Cần Thơ. Tất V ủy quyền cho H tìm đơn vị nhận thầu thi công. H có trách nhiệm thu và nộp 8% tổng giá trị công trình, cho Tất V, H được hưởng phần còn lại là 5%. H liên hệ với Võ Thị Bảo T - giám đốc Công ty TNHH MTV M, tại quận C, thành phố Cần thơ, để tìm đơn vị nhận thầu thi công. T có trách nhiệm thu 13% trên tổng giá trị công trình và được hưởng 0,75% trên tổng giá trị công trình.

T và chồng là Nguyễn Văn T1, liên hệ với Nguyễn Triều D - giám đốc Công ty TNHH MTV T6, tại tỉnh Hậu Giang (có văn phòng tại quận N, thành phố Cần Thơ). Triều D đồng ý nhận thầu và nộp 13% trên tổng giá trị công trình (43 tỷ đồng). Hai bên đã tiến hành ký kết hợp đồng ngày 4-8-2011.

Sau đó Tất V, H và Triều D đã cùng ký hợp đồng thi công số 06 ngày 1-9-2011. Ngày 10-9-2011 Tất V và H tổ chức cuộc họp tại văn phòng công ty H3. Tại đây, Tất V ấn định ngày khởi công là sau 30 ngày. Triều D đã đưa cho T1 và T tổng cộng là 1.910.000.000đ. T chuyển cho H 1.100.000.000đ, giữ lại 810.000.000đ. H chuyển cho Tất V 580.000.000đ, giữ lại 520.000.000đ. Ngoài ra, Triều D còn khai, đã cho T mượn 200.000.000đ và chi 920.000.000đ tiền huê hồng, nhưng không có chứng từ. Triều D đã mua vật tư và tập kết tại công trình để thi công, nhưng đã bị chiếm đoạt hết.

Ngày 22-5-2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ban hành công văn số 1305/UBND-KTHH thu hồi chủ trương đầu tư xây dựng các dự án, trong đó có công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, với lý do đã quá thời hạn 12 tháng mà liên danh Golden - Nguyễn T3 không tiến hành các thủ tục đầu tư (BL. 93, 237-238, 243). Sau khi biết được Quyết định trên, Triều D đã yêu cầu trả lại số tiền đã đưa, nhưng Tất V trốn tránh. Ngày 16-7-2012 Triều D gửi đơn tố cáo Tất V. Gia đình của Tất V đã nộp 510.000.000đ. T nộp thay cho Tất V 70.000.000đ. T và T1 nộp 840.000.000đ. H nộp 30.000.000đ. Cơ quan điều tra đã cho Triều D nhận lại 1.450.000.000đ.

Tại bản án số 23/2016/HSST ngày 15/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Cần

Thor đã:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Tất V 12 năm tù. Ngày 17/6/2016, bị cáo kháng cáo, kêu oan.

Tại bản án số 94/2017/HS-PT ngày 21/03/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Tất V phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Tất V 12 (mười hai) năm tù.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 198/2011/HSPT ngày 5-4-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án. Khi thi hành được khấu trừ thời gian tạm giam từ 16-3-2015 đến 13-8-2015 và từ 23-5-2016 đến 16-8-2017.

Áp dụng điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận ông Nguyễn Triều D đã nhận 1.450.000.000đ tiền bồi thường thiệt hại, trong đó có:

- 510.000.000đ do gia đình của bị cáo đã nộp và 70.000.000đ do Võ Thị Bảo T đã nộp thay cho bị cáo.

- 840.000.000đ do Võ Thị Bảo T và Nguyễn Văn T1 nộp.

- 30.000.000đ do Vũ Đức H nộp.

Ông Vũ Đức H phải tiếp tục nộp 460.000.000đ để trả cho ông Nguyễn Triều D.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Ông Vũ Đức H phải nộp 22.400.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/6/2018 bị cáo Nguyễn Tất V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kêu oan cho rằng không phạm tội. Ngày 11/6/2018, bị hại Nguyễn Triều D kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, cho rằng toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt do Võ Thị Bảo T trực tiếp nhận và cam kết sẽ hoàn trả tiền, nên yêu cầu Võ Thị Bảo T trả 460.000.000 đồng cho Nguyễn Triều D. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm nhận định liên danh G - N4 chưa làm thủ tục, chưa được cấp giấy phép liên danh, thì không được quyền nhân danh liên danh để ký kết các giao dịch. Nhưng theo điểm 6 Điều 3 của luật đầu tư thì trường hợp liên danh G

- N4 không phải cấp giấy phép liên danh; nên liên danh G - N4 tìm đối tác để thực hiện dự án mới chấp thuận trên nguyên tắc, chưa được cấp giấy phép là vi phạm về thủ tục, chứ không phải hành vi gian dối chiếm đoạt T1 sản. Vì hợp đồng thi công số 06 giữa liên danh G - N4 và Công ty TNHH T6 ghi rõ nội dung, thông tin đầy đủ về dự án; hơn nữa số tiền bị cáo nhận của H không liên quan hợp đồng số 06 do hai bên ký kết. Mặt khác, ông Nguyễn Triều D là một doanh nhân, khi ký kết hợp đồng kinh tế trị giá 43 tỷ đồng, ông Nguyễn Triều D nghiên cứu đầy đủ về dự án, biết dự án chưa có giấy phép nhưng vẫn ký kết và giao tiền cho bà Võ Thị Bảo T là đồng tình và nhất trí; đến nay Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ bị cáo đưa những thông tin sai về dự án, để lừa dối chiếm đoạt T1 sản của ông Nguyễn Triều D, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra lại vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tất V đồng tình với phân tích, đánh giá của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là bị cáo không phạm tội; tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát kết luận hủy bản án sơ thẩm để Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra lại vụ án là không cần thiết, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Vì Nguyễn Tất V ký kết các hợp đồng công khai, rõ ràng, không có ý thức chiếm đoạt T1 sản; Bản án sơ thẩm cho rằng chưa có giấy phép liên danh nên không được nhân danh liên danh để ký kết các hợp đồng là không đúng quy định pháp luật; Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của Vũ Đức H, Võ Thị Bảo T, Nguyễn Triều D và cho rằng Nguyễn Tất V nhận 580.000.000 đồng để buộc tội mà không dựa vào các chứng cứ vật chất khác như: Nguyễn Tất V đã chuyển cho Nguyễn T3 180.000.000 đồng làm thủ tục dự án và xây dựng, sửa chữa Văn phòng liên danh; mua 2 Ca nô phục vụ việc kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án; chi phí sao kê thanh toán hoạt động tại Ngân hàng thể hiện Nguyễn Tất V chi phí cho hoạt động trên 10 tỷ đồng nhưng cấp sơ thẩm không sử dụng; trong khi đó Cơ quan điều tra xác minh tại Công an phường cho rằng Công ty của Nguyễn Tất V không hoạt động, mà không điều tra thu thập tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý kinh tế, để kết luận Nguyễn Tất V lừa đảo chiếm đoạt T1 sản; khi ký kết các hợp đồng Nguyễn Triều D biết rất rõ dự án sẽ thực hiện theo hình thức BT, dự án sẽ thực hiện trong tương lai chứ không phải thực hiện ngay, dự án không thực hiện được là do điều kiện khách quan do khó khăn về vốn, Nguyễn Tất V không có thủ đoạn chiếm đoạt; tiền thỏa thuận chi hoa hồng do Võ Thị Bảo T và Vũ Đức H là giám đốc nhận tiền của Nguyễn Triều D, chứ Nguyễn Tất V không nhận tiền của Nguyễn Triều D, nên bị hại kháng cáo yêu cầu Võ Thị Bảo T trả tiền cho Nguyễn Triều D; Nguyễn Tất V nhận 580.000.000 đồng của Vũ Đức H nhiều lần và chỉ cho việc thực hiện các dự án mà UBND tỉnh Vĩnh Long có chủ trương chấp thuận; nên không đủ yếu tố để Nguyễn Tất V cấu thành tội lừa đảo. Đặc biệt Nguyễn Tất V đang tại ngoại, không có dấu hiệu bỏ trốn, không có căn cứ tiếp tục phạm tội và cũng không nhận định vì lý do gì, nhưng cấp sơ thẩm vẫn bắt giam Nguyễn Tất V nhằm mục đích không cho Nguyễn Tất V cung cấp T1 liệu sự thật khách quan vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 135, Điều 139, Điều 158

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tuyên bố Nguyễn Tất V không phạm tội, trả tự do cho Nguyễn Tất V tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tất V và bị hại ông Nguyễn Triều D, đúng quy định pháp luật nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tất V cho rằng cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 12 năm tù là oan sai thì thấy:

[1]. Ngày 01/9/2010, giữa Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản và xây dựng G do Nguyễn Tất V làm chủ tịch hội đồng quản trị và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng N4, do ông Nguyễn Đức T3 làm giám đốc ký Hợp đồng liên danh số 02/GL-HĐLD-2010; về việc hợp tác đầu tư 7 dự án giao thông nông thôn vùng sâu, vùng xa của 7 huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Tại Điều 3 hợp đồng liên danh hai bên thống nhất góp vốn đầu tư mỗi bên là 50% và tại điểm 4.1.1 khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng liên danh quy định: Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản và xây dựng G đại diện cho hai bên thực hiện các thủ tục pháp lý với các cấp chính quyền của tỉnh Vĩnh Long, để được đầu tư thi công 7 dự án công trình giao thông vùng sâu, vùng xa trên; chịu trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức thi công theo mức góp vốn 50% công trình; được huy động vốn từ cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện dự án (bl: 475). Theo quy định tại khoản 35 Điều 4 Luật đấu thầu thì nhà thầu chính là thành viên của nhà thầu liên danh G - N4, các thành viên liên danh G - N4 không phải thành lập pháp nhân mới; theo Hợp đồng liên danh số 02/GL-HĐLD-2010 thì Nguyễn Tất V được quyền đại diện cho liên danh và nhân danh của liên danh G - N4 tìm đối tác làm thủ tục pháp lý, thi công dự án do UBND tỉnh Vĩnh Long chấp thuận là phù hợp với pháp luật, với liên danh G - N4 đã ký kết.

[2]. Sau khi ký kết Hợp đồng liên danh số 02/GL-HĐLD-2010, ngày 31/3/2011 UBND tỉnh Vĩnh Long có Văn bản chấp thuận số 766, 768 cho liên danh G - N4 thực hiện dự án: Công trình cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 910 và dự án Công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5; ngày 07/6/2011 UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 1111/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề xuất dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, thành phố V cho liên danh G - N4 theo hình thức hợp đồng xây dựng chuyển giao BT; ngày 15/11/2011 UBND tỉnh Vĩnh Long có Văn bản chấp thuận số 3489 cho liên danh G - N4 thực hiện tiếp dự án Công trình xây dựng đường bờ kênh thành phố V.

[3]. Nguyễn Tất V triển khai thực hiện hợp đồng liên danh số 02/GL-HĐLD-2010 và Quyết định số 1111/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề xuất dự án đầu tư xây

dựng công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, thành phố V cho liên danh G - N4 như sau:

- Ngày 08/12/2010, Nguyễn Tất V chuyển cho ông Nguyễn Đức T3 30.000.000 đồng, cấp sơ thẩm cho rằng số tiền này Nguyễn Tất V chuyển cho ông Nguyễn Đức T3 trước khi chấp thuận dự án, nên không chấp nhận chi phí thực hiện dự án; tuy nhiên, theo chứng từ thể hiện gửi tiền cho ông Nguyễn Đức T3 lập hồ sơ dự án (bl: 721). Ngày 25/5/2011, Nguyễn Tất V tiếp tục chuyển cho ông Nguyễn Đức T3 150.000.000 đồng, tiền thanh toán vật tư làm văn phòng liên danh (bl: 722). Sau đó, ngày 22/12/2011, Công ty G của Nguyễn Tất V ký hợp đồng với Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ kỹ thuật H4 mua 2 chiếc cano đã qua sử dụng trị giá 280.000.000 đồng, nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát công trình là có thật (thể hiện trong Hợp đồng mua bán số 200/HĐMB – 2-11) nhưng cấp sơ thẩm cho rằng các dự án này không tiếp giáp với đường sông, nên không chấp nhận Nguyễn Tất V đã đầu tư nhằm làm phương tiện đi kiểm tra, giám sát công trình là không có căn cứ.

- Theo bản sao kê T1 khoản thanh toán khách hàng của Công ty G từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TPHCM, tổng phát sinh có là 9.615.764.313 đồng, tổng phát sinh nợ là 9.310.970.840 đồng và từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/12/2012, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TPHCM, tổng phát sinh có là 3.424.179.427 đồng, tổng phát sinh nợ là 3.714.731.650 đồng, diễn giải các khoản chi của Công ty G cho dự án (bl: 304)

- Đồng thời, ngày 30/5/2011 Công ty G (Nguyễn Tất V) và Công ty xây dựng thương mại H3, do Vũ Đức H làm giám đốc ký hợp đồng liên danh số 09/HĐLD; giao cho Công ty H3 tìm đối tác thực hiện 3 dự án trên và làm thủ tục để thực hiện dự án công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, thành phố V đến ngày 30/6/2011, Công ty H3, Công ty G và Công ty TNHH T6 (Nguyễn Triều D) ký hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD, thực hiện Công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5; giao cho Công ty H3 làm thủ tục để thực hiện dự án, Công ty TNHH T6 thực hiện thi công khi cấp giấy phép dự án (bl: 366 đến 370).

[4]. Ngày 01/9/2011, giữa Công ty G (bên A) và Công ty TNHH T6 (bên B) ký hợp đồng thi công số 06/HĐ.2011. Nội dung của hợp đồng thể hiện: Tại Điều 3 của hợp đồng quy định bên A giao cho bên B thực hiện xây dựng công trình đường giao thông khu du lịch sinh thái xã T4-T5, về nội dung, công việc và sản phẩm hợp đồng phải theo Văn bản số 768/UBND-KTTH ngày 31/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quy mô đầu tư theo quyết định số 3117/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; ngoài ra còn xác định bên A giao cho bên B thực hiện xây dựng công trình...sau khi đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Vĩnh Long cùng chủ đầu tư thực hiện bàn giao mặt bằng...và tại Điều 6 hợp đồng ghi: Trong

thời gian 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thi công phải bàn giao mặt bằng tập kết vật tư, thiết bị; ngày thực hiện hợp đồng là sau 30 ngày kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng; ngày hoàn thành công trình là 24 tháng kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh. Tại Điều 11 hợp đồng quy định giao mặt bằng cho bên B là sau khi Hội đồng bồi thường thực hiện hoàn thành công tác chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng công trình và bàn giao cho bên A, bên A tiến hành bàn giao mặt bằng cho bên B trong thời gian 30 ngày (bl: 406 đến 410). Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như lời bào chữa của các luật sư cho Nguyễn Tất V cho rằng hợp đồng thi công số 06/HĐ.2011, giữa Nguyễn Tất V và Nguyễn Triều D đại diện ký kết, hoàn toàn công khai, minh bạch về thông tin dự án và dự án này sẽ thực hiện trong tương lai khi được bàn giao mặt bằng là có căn cứ.

[5]. Vũ Đức H đã ủy quyền cho Võ Thị Bảo T và Võ Thị Bảo T ký hợp đồng với Công ty TNHH TMV T6 và nhận của Công ty T6 tổng cộng 1.910.000.000 đồng Võ Thị Bảo T trích lại 840.000.000 đồng; còn lại 1.070.000.000 đồng chuyển cho Vũ Đức H, Vũ Đức H trích lại 490.000.000 đồng; còn lại chuyển cho Nguyễn Tất V nhiều lần với số tiền 580.000.000 đồng. Như vậy, Cơ quan điều tra chưa làm rõ ai là người chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH TMV T6 do ông Nguyễn Triều D làm giám đốc, chiếm đoạt bao nhiêu?

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đơn kháng cáo của Nguyễn Tất V và lời bào chữa của các luật sư cho Nguyễn Tất V, hủy bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Triều D sẽ được xem xét lại khi xử lý vụ án.

[6]. Nguyễn Tất V có nơi cư trú rõ ràng, nay thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam Nguyễn Tất V, nên Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho tại ngoại để điều tra lại vụ án.

Nguyễn Tất V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của Nguyễn Tất V; hủy bản án số: 14/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Giao toàn bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, điều tra lại vụ án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Nguyễn Tất V không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại thành phố Hồ Chí Minh(1)
- TAND thành phố Cần Thơ(1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- CA thành phố Cần Thơ (1);
- Sở tư pháp thành phố Cần Thơ (1);
- Trại tạm giam Công an thành phố Cần
Thơ (2) (để tổng đạt cho bc 1b)
- Lưu (3) 14b án 22.

Đặng Văn Ý